



HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG



HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

GASTA

Viên nén nhai chứa natri alginat 250 mg; natri bicarbonat 106,5 mg;
calci carbonat 187,5 mg)

Để xa tầm tay trẻ em

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

THÀNH PHẦN CÔNG THỨC:

Mỗi viên chứa:

Thành phần dược chất: Natri alginat 250 mg

Natri bicarbonat 106,5 mg

Calci carbonat 187,5 mg

Thành phần tá dược: Celulose vi tinh thể PH 101, sucralose, polyethylen glycol 6000, acid stearic, silic dioxyd dạng keo khan, hương bạc hà.

DẠNG BẢO CHẾ: Viên nén nhai.

Mô tả: Viên nén màu trắng đến trắng ngà, hình trụ, bề mặt nhẵn bóng, thành và cạnh viên lảnh lặn, mùi thơm, vị ngọt.

CHỈ ĐỊNH

Điều trị các triệu chứng trào ngược dạ dày – thực quản liên quan đến acid như trào ngược acid, ợ chua, khó tiêu, chướng hạn như sau bữa ăn hoặc trong khi mang thai.

LIỀU DÙNG, CÁCH DÙNG

Cách dùng

Nhai kỹ trước khi nuốt

Liều dùng

Người lớn và trẻ em từ 12 tuổi trở lên: 2 – 4 viên sau bữa ăn và lúc đi ngủ, tối đa 4 lần/ngày.

Trẻ em dưới 12 tuổi: Chỉ dùng theo lời khuyên của bác sĩ.

Người cao tuổi: Không cần điều chỉnh liều đối với nhóm tuổi này.

Bệnh nhân suy gan: Không cần điều chỉnh liều.

Bệnh nhân suy thận: Cần thận trọng, chế độ ăn kiêng muối nghiêm ngặt có thể cần thiết.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH

Quá mẫn với bất kỳ thành phần nào của thuốc.

CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC

Cũng như các sản phẩm kháng acid khác, dùng sản phẩm này có thể che giấu các triệu chứng của các tình trạng bệnh lý tiềm ẩn nghiêm trọng khác.



Thuốc này chứa 221,5 mg natri (là thành phần chính trong muối ăn) trong mỗi liều 4 viên, tương đương với 11,08% khẩu phần natri tối đa mỗi ngày được khuyến cáo cho người lớn. Điều này nên được tính đến khi cân chế độ ăn kiêng muối nghiêm ngặt như trong một số trường hợp suy tim sung huyết và suy thận.

Mỗi liều 4 viên chứa 300 mg (7,5 mmol) calci carbonat. Cần thận trọng khi điều trị cho những bệnh nhân bị tăng calci huyết, nhiễm calci thận và sỏi calci thận tái phát.

Nếu các triệu chứng không cải thiện sau 7 ngày, nên xem lại tình trạng lâm sàng.

Thông thường không khuyến dùng cho trẻ em dưới 12 tuổi, trừ khi có lời khuyên của bác sĩ.

SỬ DỤNG THUỐC CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ

Các nghiên cứu mở có đối chứng trên 281 phụ nữ mang thai không cho thấy bất kỳ tác dụng không mong muốn đáng kể nào của thuốc lên quá trình mang thai hay lên sức khỏe của thai nhi/trẻ sơ sinh. Dựa trên kinh nghiệm này và trước đó, thuốc có thể được sử dụng trong thời kỳ mang thai và cho con bú.

ẢNH HƯỞNG CỦA THUỐC LÊN KHẢ NĂNG LÁI XE, VẬN HÀNH MÁY MÓC

Thuốc không ảnh hưởng lên khả năng lái xe, vận hành máy móc.

TƯƠNG TÁC, TƯƠNG Kỵ CỦA THUỐC

Tương tác của thuốc

Do sự hiện diện của calci và carbonat hoạt động như một thuốc kháng acid, nên cân nhắc khoảng thời gian 2 giờ giữa việc sử dụng sản phẩm này và sử dụng các sản phẩm thuốc khác, đặc biệt là thuốc kháng histamin H₂, tetracyclin, digoxin, fluoroquinolon, muối sắt, hormon tuyến giáp, ketoconazol, thuốc an thần kinh, thyroxin, penicilamin, thuốc chẹn beta (atenolol, metoprolol, propranolol), glucocorticoid, cloroquin, diphosphonat và estramustin.

Tương kỵ của thuốc

Do không có các nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc, không trộn lẫn thuốc này với các thuốc khác.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN CỦA THUỐC

Tác dụng không mong muốn liên quan đến natri alginat, natri bicarbonat và calci carbonat trình bày dưới đây được phân loại theo hệ cơ quan và tần suất.

Tần suất được xác định như sau: Rất phổ biến ($\geq 1/10$), phổ biến ($\geq 1/100$ đến $<1/10$), không phổ biến ($\geq 1/1000$ đến $<1/100$), hiếm gặp ($\geq 1/10000$ đến $<1/1000$), rất hiếm gặp ($<1/10000$), chưa biết (không thể ước tính từ dữ liệu có sẵn). Trong mỗi nhóm tần suất, tác dụng không mong muốn được trình bày theo thứ tự mức độ nghiêm trọng giảm dần.

Hệ cơ quan	Tần suất	Tác dụng không mong muốn
Rối loạn hệ miễn dịch	Rất hiếm	Phản ứng phản vệ, phản ứng dạng phản vệ Các phản ứng quá mẫn như nổi mề đay
Rối loạn chuyển hóa và dinh dưỡng	Chưa biết	Nhiễm kiềm ¹ , tăng acid trở lại ¹ , tăng calci máu ¹ , hội chứng sữa – kiềm ¹

Rối loạn hô hấp, lồng ngực và trung thất	Chưa biết	Ảnh hưởng đến hô hấp như co thắt phế quản
Rối loạn tiêu hóa	Rất hiếm	Đau bụng, tăng acid trở lại, tiêu chảy, buồn nôn, nôn
	Chưa biết	Táo bón ¹
Rối loạn da và mô dưới da	Rất hiếm	Phát ban, ngứa

¹Những triệu chứng này thường xảy ra khi dùng liều lớn hơn liều khuyến cáo.

Thông báo ngay cho bác sĩ hoặc dược sĩ những phản ứng có hại gặp phải khi sử dụng thuốc.

QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ

Quá liều

Một số bệnh nhân có thể bị chướng bụng.

Cách xử trí khi dùng thuốc quá liều

Trong trường hợp quá liều, cần điều trị triệu chứng.

NHÓM DƯỢC LÝ: Các thuốc khác để điều trị loét dạ dày – tá tràng và bệnh trào ngược dạ dày thực quản.

MÃ ATC: A02BX

QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 5 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên; Hộp 1 lọ x 30 viên.

ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN: Nơi khô, tránh ánh sáng, dưới 30°C.

HẠN DÙNG: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG: TCCS.

Sản xuất tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THÀNH PHÁT

Lô CN1-6, khu công nghiệp Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

Số điện thoại: 0243.200.9142

